SỞ Y TẾ TÂY NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH

Số: 823 /TB-BVĐK

V/v xây dựng danh mục vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 24 tháng 08 năm 2023

THÔNG BÁO
YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu vật tư y tế tiêu hao, vật tư y tế tim mạch can thiệp năm 2023 tại bệnh viện đa khoa Tây Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh

Địa chỉ: số 626 đường 30/4, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: DS. Nguyễn Chánh Hy
- Chức vụ: Phó phòng VT-TBYT
- Số ĐT: 0985.229.227
- Họ và tên: DS. Lê Văn Tâm
- Chức vụ: nhân viên phòng VT-TBYT
- Số ĐT: 0938.478.115

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Bảng giấy và file điện tử (Excel và PDF).

- Nhận trực tiếp bảng giấy tại địa chỉ: Phòng VT-TBYT- Bệnh viện đa khoa Tây Ninh, số 626 đường 30/4, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

- Nhận file điện tử (file Excel và PDF) qua email: benmoithau1023.bvdktayninh@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 25 tháng 08 năm 2023 đến trước 17h ngày 11 tháng 9 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế, vật tư y tế kỹ thuật cao. (Đính kèm).

Được quét bằng CamScanner

2. Bảng báo giá: Theo mẫu quy định tại thông tư 14/2023/TT-BYT

3. Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa bằng tiếng Việt, trường hợp sử dụng bằng tiếng nước ngoài cần chứng minh tài liệu được lưu hành tại Việt Nam và bảng dịch có công chứng.

4. Các thông tin khác (nếu có).

Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh kính mời các công ty/đơn vị/nhà cung ứng báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng cám ơn sự phối hợp các đơn vị.

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

BỆNH VIỆN ĐA KHOA

BS.CKII. Trang Anh Dũng

Được quét bằng CamScanner

SỞ Y TẾ TÂY NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO YÊU CẦU BÁO GIÁ NĂM 2023
(kèm theo công văn số: /TB-BVĐK ngày 24/08/2023)

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
A	**STENT MẠCH VÀNH**			
1	Khung giá đỡ (Stent) động mạch vành, chất liệu Platinum Chromium, bọc thuốc Everolimus trên nền Polymer tự tiêu, PLGA	Giá đỡ mạch vành chất liệu Platinum Chromium (PtCr) có tẩm thuốc Everolimus, có Polymer (PLGA) tự tiêu hoàn toàn 120 ngày, có Polymer (PLGA) độ dày 4um) khung stent mỏng, có bề dày 0.0029".Kích cỡ: đường kính 2.25-4.0mm.Chiều dài 8-48mm, có hệ thống bóng dual layer PEBAX, hệ thống mang stent Bi-Segment; '- Stent chất liệu Platinum Chromium, phủ thuốc Everolimus (phủ thuốc Everolimus dày ~1µg/mm2). - Thuốc Everlolimus được hấp thu hoàn toàn sau 3 tháng. Lớp Polymer PLGA chỉ phủ ở mặt stent áp thành mạch, Polymer tự tiêu hoàn toàn sau 4 tháng (120 ngày). - Độ dày thành stent mỏng 74µm - Gia tăng kết nối ở đầu gần (4, 5 kết nối ở đoạn gần, 2 kết nối ở dọc trên thân) - Chất liệu bóng trong stent: Pebax có 2 lớp giúp tối ưu hóa áp lực và giảm thiểu tăng kích thước của bóng - Có cấu tạo Bi-segment giúp tăng cường khả năng đẩy và sự linh hoạt; phủ PTFE. - Ống Hypotube chế tạo bằng phương pháp Laser-cut giúp tăng cường khả năng đẩy và lái hướng. '- Đầu xa thân phủ Bioslide Hydrophilic. - Có các vạch đánh dấu (marker) platinum iridium 1mm. - Đường kính: 2.25mm, 2.50mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm; chiều dài: 8mm, 12mm, 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 38mm, 48mm. - Khả năng giãn nở sau khi bung stent lên tới 3.5mm đối với stent cỡ 2.25mm - 2.75mm; 4.25mm đối với stent cỡ 3.0mm - 3.5mm và 5.75mm đối với stent cỡ 4.0mm, 4.50mm và 5.00mm. .Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	cái	60
2	Khung giá đỡ (stent) mạch vành tẩm thuốc Sirolimus các loại,các cỡ.	- Chất liệu Cobalt Chromium L605, polymer tự tiêu Poly (DL-lactide-co-caprolactone) phủ mặt áp thành mạch kiểu Abluminal & Gradient, phủ thuốc Sirolimus liều lượng 3.9µg/mm chiều dài khung giá đỡ. Thời gian hấp thụ polymer và phóng thích thuốc trong 3-4 tháng. - Mắt cáo sắp xếp như hình vảy rắn, thiết kế mắt cáo mở với 2 link liên kết. Độ mở nhánh (cho stent có đường kính 3.5mm): 14.5mm² - Độ dày 80µm Thông số hệ thống đẩy stent: - Thân hệ thống đẩy được gia cố bằng lõi thép không gỉ - Entry profile: 0.018". Đầu vào vật liệu polyamide elastomer. - Crossing profile: 0.044" (với cỡ 3.0mm) - Vật liệu bóng nong: Nylon 12 - Đường kính trục đoạn xa: 2.7Fr có lớp phủ ái nước, đoạn gần 1.9Fr - Độ dài trục: 144 cm - Kích cỡ stent: Đường kính 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm. Chiều dài: 9mm, 12mm, 15mm, 18mm, 21mm, 24mm, 28mm, 33mm, 38mmĐạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	100
3	Khung giá đỡ (stent) động mạch phủ thuốc Zotarolimus các loại, các cỡ,	Stent động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus. - Chất liệu Cobalt-Chromium, lõi Pt-Ir - Phủ thuốc Zotarolimus khoảng 1.6 µg/mm2, phủ BioLinx tương thích sinh học. - Đường kính 2.0 - 5.0 mm, dài 8 - 38 mm. - Tiệt khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	cái	60

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
4	Khung giá đỡ (stent) động mạch vành có phủ thuốc Everolimus, chất liệu Cobalt Chromium (Cobalt Crom L-605), nguyên liệu bóng trong stent là Pebax đơn lớp	- Chất liệu khung stent bằng hợp kim Cobalt Chromium (Cobalt Crom L-605), độ dày 0.0032", dạng mở, uốn ba cấp độ (3-3-3), liên kết không tuyến tính, phủ thuốc Everolimus (1µg /mm2) (có tác dụng ngăn cản sự tăng sinh mà không làm chết tế bào). - Cấu trúc Polymer: Fluorinated Copolymer - Bóng trong stent: chất liệu Pebax 72D 2. Kích thước: - Đường kính: 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 4.0mm. - Chiều dài: 8, 12, 15, 18, 23, 28, 33, 38mm. - Post- Dilatation limit : từ size 2.0 -> 3.25mm lên đến 3.75 mm; Từ size 3,5 -> 4mm lên đến 5.5mm - Tiết diện nong bóng (Crossing profile): 0.039 inch (3.0 x 18mm). Tiết diện đầu tip 0.017" (3.0x18mm), chiều dài làm việc của ống thông 145cm - Áp lực định danh 9atm-12atm, áp lực vỡ bóng tối đa 16atm. 3. Đặc điểm thiết kế: - Thiết kế phần đầu bóng mỏng và thuôn nhỏ tạo sự linh hoạt tối đa và làm giảm nếp gấp bóng - Tối ưu thiết kế lưu trữ stent Multi- link cho phép uốn cong một cách tối đa và mềm mượt hơn. - Thiết kế stent đa liên kết tối ưu hóa giúp cho nếp gấp bóng chặt hơn và nong bóng dễ dáng hơn. -Hệ thống phân phối được thiết kế lại đảm bảo truyền lực ổn định cho khả năng đẩy vượt trội.Đạt tiêu chuẩn ISO	cái	70
5	Khung giá đỡ (stent) động mạch vành hấp thụ sinh học, tẩm thuốc Sirolimus, các loại, các cỡ.	Giá đỡ nong mạch vành chất liệu Cobalt Chromium, L-605, có lớp phủ proBIO và BIOlute Poly-L-Lactide (PLLA) hấp thụ sinh học Tẩm thuốc Sirolimus với liều lượng ≥1.4 µg/mm² Độ dày khung giá đỡ: 60 µm. Đường kính: 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0 mm. Chiều dài: 9, 13, 15, 18, 22, 26, 30, 35, 40 mm.Đạt tiêu chuẩn FSC : Swizerland & Australia. ISO 13485	cái	30
6	Khung giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus	* Công nghệ phủ Nanodrop TransferWise giúp thời gian giải phóng thuốc lâu hơn. * Đường kính từ 2.0mm đến 4.5mm, chiều dài từ 9mm đến 49mm. * Polymer tự tiêu dạng 3 lớp Biostable fluorinated acrylate giúp tối ưu hoá việc giải phóng thuốc 1.4 µg/mm2 * Stent Strut nhỏ 75µm. * Chất liệu bóng của stent bằng Nylon và Pebax không chứa latex, gấp ba lớp (Trilayer), thời gian xả bóng nhanh trung bình 3s. * Định vị bằng 2 marker Platinium Iridium (Pt-Ir). Tiêu chuẩn chất lượng : ISO 13485, CEĐạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	cái	60
7	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus: - Nguyên vật liệu khung: CoCr (Cobalt Chromium L605). - Thiết kế khung stent hình zigzag, thiết kế 6 đỉnh - 3 kết nối giữa các vòng của stent đường kính 2.00 - 2.75 mm, thiết kế 8 đỉnh - 4 kết nối giữa các vòng của stent đường kính 3.00 - 4.50 mm - Liều lượng thuốc: 1.33µg/mm2. - Polymer tự tiêu: PLLA/PLGA - Độ dày lớp phủ: 3-5 µm. - Dấu cản quang: 02 dấu cản quang Platinum-Iridium. - Đường kính: 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 4.00, 4.50 (mm). - Chiều dài: 08, 09, 13, 15, 18, 23, 28, 33, 38, 40, 44, 48 (mm). - Độ dày khung stent: 65µm. - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA.	cái	60

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
8	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus khung Cobalt Chromium đầu lớn đầu nhỏ, mắt đóng mắt mở, cơ chế bung từ giữa thân stent các cỡ. Có các chiều dài 30, 40, 50, 60mm	Chất liệu: Cobalt Chromium L605 Độ dày khung Stent: 65 µm Đường kính Stent: 2.0 - 4.5 mm, Stent đầu lớn đầu nhỏ Chiều dài Stent: 30, 40, 50, 60mm Phủ thuốc: Sirolimus Hàm lượng thuốc: 1.25 µg/mm2 Áp lực: 9-16 atm Bóng:: Phần nhô ra < 0.5 mm, Độ dài vai bóng ngắn Mắt cáo: Dạng Hybrid mắt đóng mắt mở. Chiều dài ống thông: 140-142 cm Cơ chế bóng Stent :Bung từ giữa thân Stent.Đạt tiêu chuẩn CE	cái	10
9	Stent mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimus và PLA tự tiêu, 2 kết nối trên mỗi phân đoạn với chu vi mắt cáo tối đa 18.5mm, công nghệ Pearl Surface, chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32, 40 mm	Stent mạch vành chất liệu Cobalt Chromium phủ thuốc Sirolimus và Polymer phân hủy sinh học Polylactide (PLA), được phủ ở mặt ngoài thành stent. Công nghệ PEARL Surface - bề mặt nhám với vô số lỗ nhỏ li ti. Thiết kế 2 thanh nối trên mỗi phân đoạn, chu vi mắt cáo mở rộng tối đa 18.5mm giúp duy trì lối vào mạch nhánh, hỗ trợ tốt cho việc đặt stent chỗ chia nhánh ĐMV. 2 marker Platinum / Iridium. Khẩu kính băng qua tổn thương 0.035"/ 0.89 mm (Ø 2.5 mm). Khẩu kính lối vào tổn thương 0.016" / 0.41mm. Đường kính phần thân gần 1.9F. Đường kính phần thân xa 2.7F, dùng kèm dây dẫn 0.014" và ống thông can thiệp tối thiểu 5F. NP 11 bar. RBP 16 bar. Độ dày thanh chống 0.0027" / 68 µm (Ø2.0-2.5mm); 0.0031" / 79 µm (Ø2.75-4.0mm). Đường kính 2.00, 2.25, 2.50 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32mm). Đường kính stent 2.75, 3.00, 3.50, 4.00 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32, 40 mm). Đường kính (mm) tối đa của mỗi loại stent khi đạt RBP 16atm: Ø2.0 - Ø2.16, Ø2.25 - Ø2.49, Ø2.5 - Ø2.67, Ø2.75 - Ø2.91, Ø3.0 - Ø3.18, Ø3.5 - Ø3.71, Ø4.0 - Ø 4.26.Đạt tiêu chuẩn CE, ISO	cái	10
10	Stent phủ (có màng bọc graft) dùng cho các mạch máu nhỏ từ 2.5-5.0mm	- Covered stent có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò động mạch. - Thiết kế khung stent CoCr (L605) được bọc bởi 1 lớp graft Micro-porous ePTFE dày 89±25µm. - Kích thước: đường kính 2.5-5.0 mm, dài 8-24 mm. Chiều dài catheter 143/153cm. Tương thích với ống thông 5F với tất cả các size. -Tiêu chuẩn CEĐạt tiêu chuẩn CE	cái	2
11	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Amphilimus có 2 điểm đánh dấu bằng Platinum trên thân giá đỡ	'- Không polymer - Phóng thích thuốc thông qua hồ chứa thuốc thấm thấu - Vật liệu khung giá đỡ: L605 Hợp kim Cobalt Chromium - Lớp phủ bề mặt thanh giá đỡ: Bề mặt cảm biến sinh học BIS - Độ dầy khung giá đỡ = 70 - 80µm - 2 điểm đánh dấu bằng vật liệu Platinum trên đoạn đầu (cuối) của khung giá đỡ - Khung giá đỡ không bị thu ngắn trong suốt quá trình nong - Công thức thuốc Amphilimus: Sirolimus + Axit béo - Đường kính: 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5mm - Chiều dài: 9, 13, 16, 20, 26, 33, 40, 46Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	50

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
12	Giá đỡ mạch vành có phủ thuốc Everolimus 100µg chất liệu Cobalt Chromium (Cobalt Crom L-605), chiều dài từ 8 đến 48mm, bề dày 0.0032", đường kính từ 2.25mm đến 4.0mm, nguyên liệu bóng trong stent là Pebax đa lớp	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc loại Xience Xpedition (các cỡ): 1. Vật liệu: - Chất liệu khung stent bằng hợp kim Cobalt Chromium (Cobalt Crom L-605), bề dày 0.0032". - Phủ thuốc Everolimus (100µg /cm2). 2. Kích thước: - Đầu vào tip (Tip entry profile): 0.017 inch - Áp lực vỡ bóng tối đa: 18 atm - Đường kính 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 4.0 mmm. - Chiều dài: 8mm; 12mm; 15mm;18mm; 23mm; 28mm; 33mm; 38mm; 48mm. - Chiều dài làm việc của ống thông: 145 cm 3. Đặc điểm thiết kế: - Thiết kế Multi-link, 3-3-3, liên kết không tuyến tính. - Có cấu trúc polymer: Fluorinated Copolymer - Bóng trong stent bằng Pebax, đa lớpĐạt tiêu chuẩn ISO	cái	30
B	**ỐNG THÔNG CHẨN ĐOÁN VÀ CAN THIỆP, BỘ HÚT HUYẾT KHỐI, DÂY DẪN CAN THIỆP & CHỤP**			
13	Ống thông chẩn đoán mạch vành các loại JL, JR, AL, AR	Ống thông chẩn đoán mạch vành - Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng, đầu tip nhớ hình tốt - Loại wire -braided có thân bằng chất liệu thép không gỉ bện giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái - Đầu tip làm bằng chất liệu cản quang, có khả năng nhớ hình tốt - Có các loại JL, JR, AL, AR - Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên - Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 100cm/125cm - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F, 0.054"/1.37mm loại 6F - Dùng được với guide wire 0.035"/0.038" - Chịu áp lực dòng chảy cao 1,200 psi/ 81.6 bar Hạn dùng 3 năm Đạt tiêu chuẩn FDA. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	cái	800
14	Ống thông chẩn đoán mạch vành loại (Multipurpose)	Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng, đầu tip nhớ hình tốt Loại wire -braided có thân bằng chất liệu thép không gỉ bện giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái Đầu tip làm bằng chất liệu cản quang, có khả năng nhớ hình tốt Có các loại: (Multipurpose), Performa (Pigtail) Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên Đủ các kích cỡ 4F, 5F, 6F dài 100cm/125cm Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F, 0.054"/1.37mm loại 6F Dùng được với guide wire 0.035"/0.038" Chịu áp lực dòng chảy cao 1,200 psi/ 81.6 barĐạt tiêu chuẩn CE, FDA	cái	20
15	Ống thông chẩn đoán mạch vành loại pigtail	Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng, đầu tip nhớ hình tốt Loại wire -braided có thân bằng chất liệu thép không gỉ bện giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái Đầu tip làm bằng chất liệu cản quang, có khả năng nhớ hình tốt Có các loại: (Pigtail) Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên Đủ các kích cỡ 4F, 5F, 6F dài 100cm/125cm Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F, 0.054"/1.37mm loại 6F Dùng được với guide wire 0.035"/0.038" Chịu áp lực dòng chảy cao 1,200 psi/ 81.6 barĐạt tiêu chuẩn CE, FDA	cái	20

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
16	Ống thông chẩn đoán mạch vành dạng JR, JL, AL... (3 lớp, đan kép, thép không gỉ SUS ở giữa, đường kính 4Fr, 5Fr,chiều dài 100cm,)	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng JR, JL, AL… Chiều dài 100cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	100
17	Ống thông chụp chẩn đoán qua mạch quay đa năng trái phải, dạng Brachial Type (Tiger), vật liệu polyamide với công nghệ sợi bện kép, dài 100cm - 120cm	- Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bện kép (double-wire braiding tech), đoạn đầu xa không bện, tiếp theo là đoạn được bện dày và bện thưa hơn ở đoạn gần. - Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống 2 lớp - Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay: Brachial Type (Tiger) - Thành ống mỏng, lòng ống rộng cho tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa 1,200 psi (8.247kPa) - Tương thích guidewire 0.038" - Đường kính 5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 100cm - 120cm.Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	250
18	Ống thông chẩn đoán mạch vành 5F, 6F, lõi đan 2x2, các cỡ	Ứng dụng Flextrusion: đoạn xa mềm, trục gần cứng. Thiết kế cấu trúc bện. Đầu cong: AL, FL, PIG, AR, FR, MP, Kimny, Radial, IM, LCB. RCB, JIG, IMT, IMC, MPA, MPB, SON. TIG, CLS, CAS, ... Kích cỡ: 4F, 5F, 6F. Chiều dài 80cm - 125cmỐng thông chuẩn đoán với thiết kế sợi đan 2x2, các size 5F / 1.70 mm và 6F / 2.1mm . Đủ các dạng đầu cong: FL. FR, AL, AR, MP. LCB, RCB, IM, IMC, PIG, CAS, Kimny, Radial, … (hoặc tương đương)Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	cái	30
19	Ống thông trợ giúp can thiệp đầu mềm, các cỡ 5F-8F, các loại. Hình dạng kiểu BL, JR, JL, MP, AL, Ikari hỗ trợ thụ động với công nghệ ZONE, dài 100cm	Cấu tạo: lớp trong bằng PTFE, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ phẳng được bện cường độ cao, lớp vỏ ngoài mềm mại và có tính cản quang cao ở đoạn xa. Đặc điểm: kết cấu vật liệu nổi bật bao gồm 5 đến 6 vùng, mỗi vùng được làm từ các vật liệu có độ cứng khác nhau (Công nghệ ZONE). - Hình dạng kiểu BL, JR, JL, MP, AL, Ikari - Kích thước: cỡ 5F có đường kính trong 0.059", cỡ 6F có đường kính trong 0.071", cỡ 7F có đường kính trong 0.081". Chiều dài 100cm.Đạt tiêu chuẩn ISO	cái	150
20	Ống thông can thiệp động mạch vành các cỡ, các loại : EBU, RBU, IMA, SAL, SL, AL,JR..... Launcher guiding catheter các cỡ	Ống thông can thiệp loại có lực hỗ trợ cân bằng, thành ống thông có lõi là các sợi kim loại dẹt được bao phủ toàn bộ bằng polymer, giúp cho thành ống thông mỏng mà vẫn vững chắc. Lòng ống thông rộng từ 0.058" đến 0.090". Có đầy đủ kích thước từ 5-8F và các độ cong trợ giúp can thiệp, đặc biệt là độ cong EBU, RBU, IMA, SAL, SL, AL,JR..... - Tiêu chuẩn chất lượng CE, FDA. Đạt tiêu chuẩn CE	cái	150
21	Ống thông can thiệp động mạch vành loại cứng, đầu cong dạng: AL, CLS, FL, JL, KL, LBU, QC, VL, ART, AR, FR, HS, JR, KR, MP, RC, WRP, Brachial, Kimny, MIM, Radial, IMC, IM, LCB, RCB, ML, FCL, FCR, ...	Loại cứng, cấu trúc bện xoắn 4x2, Lumen rộng 0.070". Kích cỡ: 6F. Đầu cong: AL, CLS, FL, JL, KL, LBU, QC, VL, ART, AR, FR, HS, JR, KR, MP, RC, WRP, Brachial, Kimny, MIM, Radial, IMC, IM, LCB, RCB, ML, FCL, FCR, ... Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	cái	200
22	Heartrail II (Straight) Ống thông trợ giúp can thiệp đầu thẳng mềm, hỗ trợ thụ động với công nghệ ZONE, dài 120cm , Hình dạng kiểu (straight)	Cấu tạo: lớp trong bằng PTFE, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ phẳng được bện cường độ cao, lớp vỏ ngoài mềm mại và có tính cản quang cao ở đoạn xa. Đặc điểm: kết cấu vật liệu nổi bật bao gồm 5 đến 6 vùng, mỗi vùng được làm từ các vật liệu có độ cứng khác nhau. - Hình dạng kiểu ST01 (straight), hệ thống 5 Fr trong 6 Fr - Kích thước: cỡ 5F có đường kính trong 0.059". Chiều dài 120cm.Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	10
23	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	1. Dùng để hỗ trợ đưa các dụng cụ can thiệp mạch vành đến các tổn thương khó tiếp cận, loại GuidePlus II ST 2. Dụng cụ gồm : một đầu típ, trục xa, trục bảo vệ gần được làm bằng dây thép 3. Độ dài ống thông145cm, bao lớp thân nước, đường kính trong 1.33mm, độ dài trục đoạn xa 25cm, đánh dấu tại vị trí 900mm và 1000mm so với đầu típ, phù hợp với ống thông can thiệp 6F 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EODạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	10

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
24	Vi ống thông can thiệp CTO, phủ ái nước hydrophilic với cấu trúc lõi lớp bện kép thép không gỉ SUS, điểm đánh dấu bằng vàng 0.7mm	Cấu tạo: Đầu vào dài 0.7mm. Sau đoạn đầu vào là điểm đánh dấu bằng vàng dài 0.7mm để tăng cường khả năng nhận diện. Cấu trúc lõi là lớp bện bằng thép không gỉ (SUS braid) xuyên suốt thành ống giúp tăng độ bền. Mặt trong phủ PTFE và mặt ngoài phủ lớp ái nước Hydrophilic. Kính thước: - Đường kính ngoài: đoạn xa 1.8Fr, đoạn gần 2.6Fr - Đường kính trong: đoạn xa 0.018", đoạn gần 0.021" - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm - Tương thích guidewire 0.014" Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	2
25	Vi ống thông (micro-catheter) các loại, các cỡ	- Corsair Pro có thiết kế ống Shinka: lõi ống được bện từ 10 dây dẫn bằng thép không gỉ giúp thao tác vừa xoay vừa đẩy. Có bảo vệ hình xoắn ốc tăng tính chống xoắn giúp bảo vệ thân ống. Đầu tip thuôn mềm, đường kính 1.3F Đường kính ngoài (prox/ distal): 2.8, 2.6 F. Chiều dài khả dụng: 135, 150 cm - Corsair Pro XS Thiết kế trục mới với lõi ống được bện từ 14 dây dẫn bằng thép không gỉ và đầu tip linh hoạt tạo điều kiện tiếp cận từ xa trong quá trình tiếp cận ngược dòng. Có bảo vệ hình xoắn ốc tăng tính chống xoắn giúp bảo vệ thân ống. Đường kính ngoài (tip/ prox): 1.3/ 2.1 F. Lớp phủ hydrophilic tính từ đầu tip: 700 mm (dây 135cm)/ 850 mm (dây 150 cm). Chiều dài khả dụng: 135, 150 cm Chứng nhận chất lượng: ISO, CE.Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	2
26	Aspiration Catheter 6F/7FBộ hút huyết khối mạch vành 6F, 7F, thể tích xylanh hút 60ml; dung tích hút của bộ 6F và 7F là 60ml/45 giây và 60ml/22giây. Kèm dây cứng hỗ trợ dài 126.5 cm	Dùng được cho hệ thống mạch chính và mạch ngoại biên, bao gồm cả những chỗ ghép tĩnh mạch nối. Đường kính trong lòng loại 6F là 0.041", loại 7F là 0.053". Loại 6F/7F thích hợp với catheter dẫn đường với kích thước bên trong lumen nhỏ nhất là 0.071''/ 0.081''. Kỹ thuật đầu tip hút huyết khối ở xa. Tổng chiều dài 145cm. Đoạn Rx 25cm. Lớp phủ Hydrophilic ở phần thân xa của catheter là 25cm. Dây thăm dò cứng với cạnh xa tròn, dài 126.5 cm. Chiều dài đầu tip đến vị trí đánh dấu chấn xạ là 3.0 mm. Đường kính thân xa 1.7 mm (loại 6F), 1.98mm (loại 7F). Đường kính thân gần 1.3 mm (loại 6F), 1.6mm (loại 7F). Dung tích hút của bộ 6F (dung tích nước) 60ml/45giây hoặc 1.33ml/giây. Dung tích hút của bộ 7F (dung tích nước) 60ml/22giây hoặc 2.77ml/ giây. Một bộ tiêu chuẩn gồm: 1 catheter hút huyết khối 6F hoặc 7F; 1 dây thăm dò cứng; 1 ống tiêm hút 60ml; 2 giò lọc; 1 dây nối van khóa vòi 1 hướng.Đạt tiêu chuẩn ISO,CE	cái	10
27	Bộ hút huyết khối động mạch vành Capturer kích cỡ 6F và 7F, lớp phủ PTFE trong lòng.	* Thiết kế đầu Tip thông minh hai đầu giúp hút được nhiều huyết khối hơn. * Lớp bên trong bằng PTFE giúp cấu trúc vững chắc hơn và không bị gập gãy. * Cấu trúc đầu ống hút mềm mại kèm lớp bôi trơn durable Hydrophilic (HYDRAX) nên thao tác dễ dàng, đi đến tổn thương nhanh hơn. * Shaft lenght (chiều dài hữu dụng) 140cm. * Lưu lượng hút lớn 6F = 0.99 mm2 - 7F = 1.39mm2. * Có 2 RO marker đầu típ giúp định vị tốt, duy nhất hiện nay.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	cái	10
28	Dụng cụ kéo đầu dò dùng cho máy siêu âm lòng mạch phù hợp máy ILAB Polaris II	Đường kính catheter nhỏ 5F, tần số transducer 40MHz; đường kính vượt qua tổn thương 3.15F; đường kính đầu vào 0.67mm; độ phân giải (axial revolution) 38 micron Vạch đánh dấu cách nhau 1cmĐạt tiêu chuẩn ISO/CE	cái	5
29	Dây đo áp lực FFR, và đo chỉ số sóng tự do tức thời iFR phù hợp máy ILAB Polaris II	FFR Link FFR Signal Processing Module ; iLab 2Đạt tiêu chuẩn FDA	cái	2
30	Ống thông siêu âm nội mạch OptiCross 40MHz Coronary Imaging Catheter phù hợp máy ILAB Polaris II	Dụng cụ siêu âm lòng mạch 5F. Chất liệu dây có phủ lớp ái nước Bio-Slide. Có tần số hoạt động 40MHzcho hình ảnh sắc nét, chiều dàihệ thống 135cm, dùng tươngthích máy siêu âm lòng mạch ILABĐạt tiêu chuẩn ISO/CE	cái	5

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
31	Dây dẫn can thiệp mạch vành ái nước, chất liệu Nitinol phủ Polymer, đầu chắn xạ , dài 185 cm và 300 cm	Lõi chất liệu Nitinol, phủ ái nước Hydrophilic, đầu tip polymer, chắn xạ 2cm. Có 2 kiểu đầu: thẳng và J. Chiều dài: 185cm và 300cmĐạt tiêu chuẩn ISO và FDA	cái	50
32	.Dây dẫn can thiệp 0.014 x 190cm hoặc 300cm đầu cong chữ J, đầu thẳng; chịu lực 1.5g có phủ lớp ái nước Hydrophilic; lõi durasteel toàn bộ phủ Polymer các cỡ	Dây dẫn can thiệp mạch máu Hi-Torque Pilot 50. 1. Nguyên liệu: - Chất liệu nền thép không rỉ Durasteel, bọc Polymer toàn thân, phủ lớp Hydrophilic ái nước trơn. 2. Kích thước: - Đường kính: 0.014". - Chiều dài: 190cm hoặc 300cm. - Lực tải đầu (Tip load): 1.5g - Thiết kế đầu: Core-to-tip (đầu liền thân). - Kiểu đầu (Tip Shape): đầu cong chữ J hoặc đầu thẳng (Straight), mài nhẵn, bo tròn. - Đầu dây có điểm đánh dấu cản quang (Marker Band): 1.5mm, mạ vàng. - Điểm đánh dấu duy nhất cách đầu dây dẫn 4.5cm. 3. Đặc điểm thiết kế: - Điểm Marker Band giúp dễ cảm nhận vị trí của dây dẫn trên đường đi đến sang thương. - Thiết kế dây dẫn Guide Wire Pilot giúp dễ đi qua sang thương ngoằn ngoèo và tắc m1. Nguyên liệu: - Chất liệu nền thép không rỉ Durasteel, bọc Polymer toàn thân, phủ lớp Hydrophilic ái nước trơn. 2. Kích thước: - Đường kính: 0.014". - Chiều dài: 190cm hoặc 300cm. - Lực tải đầu (Tip load): 1.5g - Thiết kế đầu: Core-to-tip (đầu liền thân). - Kiểu đầu (Tip Shape): đầu cong chữ J hoặc đầu thẳng (Straight), mài nhẵn, bo tròn. - Đầu dây có điểm đánh dấu cản quang (Marker Band): 1.5mm, mạ vàng. - Điểm đánh dấu duy nhất cách đầu dây dẫn 4.5cm. 3. Đặc điểm thiết kế: - Điểm Marker Band giúp dễ cảm nhận vị trí của dây dẫn trên đường đi đến sang thương. - Thiết kế dây dẫn Guide Wire Pilot giúp dễ đi qua sang thương ngoằn ngoèo và tắc mãn tính.Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA	cái	20
33	Dây dẫn can thiệp 0.014 x 190cm hoặc 300cm đầu cong chữ J, đầu thẳng; chịu lực 2.7g có phủ lớp ái nước Hydrophilic; lõi durasteel toàn bộ phủ Polymer các cỡ	1. Nguyên liệu: - Chất liệu nền thép không rỉ Durasteel, bọc Polymer toàn thân, phủ lớp Hydrophilic ái nước trơn. 2. Kích thước: - Đường kính: 0.014". - Chiều dài: 190cm hoặc 300cm. - Lực tải đầu (Tip load): 2.7g - Thiết kế đầu: Core-to-tip (đầu liền thân). - Kiểu đầu (Tip Shape): đầu cong chữ J hoặc đầu thẳng (Straight), mài nhẵn, bo tròn. - Đầu dây có điểm đánh dấu cản quang (Marker Band): 1.5mm, mạ vàng. - Điểm đánh dấu duy nhất cách đầu dây dẫn 4.5cm. 3. Đặc điểm thiết kế: - Điểm Marker Band giúp dễ cảm nhận vị trí của dây dẫn trên đường đi đến sang thương. - Thiết kế dây dẫn Guide Wire Pilot giúp dễ đi qua sang thương ngoằn ngoèo và tắc mãn tính.Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA	cái	5

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
34	Dây dẫn can thiệp mạch vành, công nghệ DuoCore, lõi Nickel-Titanium, phủ lớp ái nước Hydrophiiic M coat	- Cấu tạo trục với công nghệ nối trực tiếp DuoCore, không mối hàn - Kích thước: 0.014" x 180cm - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm - Chiều dài phần đầu cản quang: 3 cm Vật liệu: - Phần lõi: Nickel - Titanium - Đoạn đầu của lớp cuộn: Platinum - Đoạn sau của lớp cuộn: thép không gỉ Lớp phủ: - Cho lớp cuộn thép không rỉ: Hydrophilic coating (M coat) - Cho đoạn gần và đoạn giữa: PTFE coating và Silicone coating Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: - Floppy: không đánh dấu - Extra Floppy: một dấu - Hypercoat: hai dấu - Intermediate: ba dấuĐạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	400
35	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Dây dẫn đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giựt. Dây dẫn đơn lõi one-piece core. Tip load từ 0.3 - 12 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. Lớp phủ: silicon, SLIP-COAT hoặc SLIP-COAT trên nền polymer. Đầu tip: straight, J, pre-shape. Chiều dài: 180, 190, 300 cm Chứng nhận chất lượng: ISO, CE.Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	cái	5
36	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Dây dẫn đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giựt. Dây dẫn đơn lõi one-piece core. Lớp phủ: silicon hoặc SLIP-COAT. Tip load: 0.5 gf, 0.7gf, 0.8 gf. Đầu tip: straight, J. Đường kính: 0.014 inch. Chiều dài: 180 cm / 165 cm (extension wire). Chứng nhận chất lượng: ISO, CE.Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	cái	20
37	Radifocus Guide Wire M (dài 150 cm) Dây dẫn đường lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane với hỗn hợp tungsten, phủ lớp ái nước M coat, dài 150cm	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J (Straight, Angled, J-Curve) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.025", 0.035", 0.038" Đạt tiêu chuẩn ISO	cái	100

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
38	Dây dẫn đường lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane với hỗn hợp tungsten, phủ lớp ái nước M coat, dài 260cm	Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten - Lớp phủ ái nước Hydrophilic M coat Hình dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J (Straight, Angled, J-Curve) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.025", 0.035", 0.038" Đạt tiêu chuẩn ISO	cái	5
39	Dây dẫn chuẩn đoán mạch vành lõi thép không gỉ với công nghệ phủ PTFE((pre-coating) phủ Heparin dài 80-260 cm	Dây dẫn chẩn đoán Lõi làm bằng thép không gỉ dùng trong thủ thuật chẩn đoán. Công nghệ phủ PTFE (pre-coating) Lớp Heparin giúp giảm ngưng tập huyết khối (tùy mã sản phẩm) Đầu dây dạng chữ J: 1.5; 3; 6; 15 mm. Đủ các kích cỡ 0.038", 0.035", 0.025", 0.021", 0.018" dài 80cm, 150cm, 180cm và 260cm.Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	cái	400
40	Dây dẫn can thiệp cứng 0.035, dài 180cm-360cm	0.035" guide wire with tip-length of 5cm and with straight 3mm-J-Tip or 6mm J-Tip configuration. The length varies from 180cm to 360cm. In addition the tip visibility will allow a safe position of the wire thus keeping control during the procedure.Đạt tiêu chuẩn ISO/FDA/CE	cái	5
41	Dây dẫn chẩn đoán phủ PTFE đầu thẳng hoặc đầu J, 0.035'; chiều dài 150cm,260cm	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành chất liệu thép không gỉ. Phủ PTFE và lớp bôi trơn. Đường kính 0.032"; 0.035"; 0.038". Chiều dài 150 cm. Đầu Straight, J, 3mm, dạng Standard, Fixed core. Có thể sản xuất kích cỡ đặc biệt theo yêu cầu. Tiêu chuẩn FDA, ISOĐạt tiêu chuẩn FDA, ISO	cái	150
42	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng chất liệu nhớ hình Nitinol kích thước tiêu chuẩn từ 6 đến 45mm	Dụng cụ bắt dị vật kích thước lớn - Ba dây cáp bằng Nitinol của En Snare xoắn lại với nhau - Có một dải Platinum liên kết chặt với các loop để tăng tính nhận biết - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt, và độ xoắn được kiểm soát 1:1. - Có dải band marker cản quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác. - Kích thước làm việc: 6-10mm, 9-15mm, 12-20mm, 18-30mm, 27-45mm - Chiều dài catheter: 100cm - Chiều dài của snare: 120 cmĐạt tiêu chuẩn CE, FDA	bộ	2
43	Dụng cụ bắt dị vật 1 vòng chất liệu Nitinol được phủ vàng, kích thước làm việc từ 2-35mm	Thiết kế 1 vòng để gia tăng khả năng bắt dị vật. - Vòng Snare được phủ vàng trên nền Nitinol làm gia tăng khả năng cản quang, vật liệu Nitinol nhớ hình và đàn hồi tốt tránh tổn thương mạch máu nhiều nhất. - Vòng Snare được thiết kế 90o giúp bắt dị vật chính xác - Có dải band marker cản quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác - Có thể dùng với catheter 2.3F, 3F, 4F, 6F phù hợp cho trẻ em và các mạch máu nhỏ. - Đủ các kích cỡ của vòng từ 2,4,5,7,10,15,20,25,30,35 mm - Chiều dài catheter 100 cm - Chiều dài của snare: 120 cmĐạt tiêu chuẩn CE, FDA	bộ	2
44	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 7cm đến 10cm	Dụng cụ mở đường mạch quay và mạch đùi Chất liệu polyethylene hoặc Polypropylene Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ Có Guirewire kèm có đầu cong hình J, đường kính 0.018",0.021", 0.025", 0.035" và 0.038", chiều dài từ 40cm đến 80 cm Có kèm theo kim chọc mạch 20-21G x 4cm và 18G x 7cm, có khóa 3 ngã Có đủ các cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F. Chiều dài 7 cm, 11 cm và 23 cm. Mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau.Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	bộ	150

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
45	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 7cm đến 10cm	Cấu tạo gồm: - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) - Dao rạch da Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene) Đạt tiêu chuẩn ISO	bộ	500
46	.Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 25cm	Cấu tạo gồm: - Mini plastic guide wire cỡ 0.035" hoặc 0.038", dài 80cm - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 5F, 6F, 7F dài 25cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene) Đạt tiêu chuẩn ISO	bộ	30
47	Kim chọc dò các loại, các cỡ	INTRADYN PUNCTURE NEEDLE 18G-20G 1.3X 70MMĐạt tiêu chuẩn ISO/FDA/CE	cái	200
48	Kim luồn tĩnh mạch 18G	ược làm từ nhựa y tế nên thành ống (catheter) mỏng và đủ độ cứng cũng như độ đàn hồi giúp ôm chặt vào kim thép không rỉ Mũi kim thiết kế được cắt vát, sắc nhọn, giảm thiểu đau. Chuôi kim trong suốt dễ dàng quan sát thấy máu chảy ra. Có tấm vi lọc ở đốc kim. Có sẵn nắp dạng xoáy để nắp kín vào catheter sau khi rút kim thép ra. Có đầu bảo vệ an toàn bịt mũi kim thép sau khi rút kim ra khỏi nòng catheter. Kim luồn có cánh thuận tiện để cố định kim. Kim luồn tĩnh mạch đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2003/NS, EN ISO 13485:2012, CE, WHO – GMP Không chất DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. Size: 18GĐạt tiêu chuẩn ISO/FDA/CE	cái	1000
49	Ống thông chẩn đoán	Ống thông chẩn đoán mạch vành có cấu trúc lưới kép bằng thép không gỉ, chống xoắn. Thành mỏng giúp tăng lưu lượng dòng chảy, đầu tip mềm giúp giảm tổn thương. Đường kính 4F, 5F, 6F. Chiều dài 100cm. Có đầy đủ các dạng: JL, JR. Tiêu chuẩn FDA, ISOĐạt tiêu chuẩn Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	50
50	Ống thông can thiệp	Ống thông can thiệp mạch vành công nghệ Full-wall. Kích thước đường kính trong/Đường kính ngoài: 0.058"/0.068" (5F), 0.071"/0.082" (6F), 0.081"/0.094" (7F). Có đầy đủ các dạng: JL, JR, AL, AR, XBU, XBLAD (0.75, 1.0, 2.0, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, có SH hoặc không, tùy độ cong). Chiều dài 100cm. Tiêu chuẩn FDA, ISOĐạt tiêu chuẩn Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	50

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
51	Dây dẫn can thiệp mạch máu 0.014 x 190cm hoặc 300cm đầu cong chữ J, đầu thẳng, bền, chịu lực 0.8g	1. Vật liệu: - Chất liệu lõi ELASTINITE Nitinol, phủ lớp Hydrophilic hoặc Hydrophobic ái nước. 2. Kích thước: - Đường kính 0.014", chiều dài 190cm. - Đầu cong chữ J, đầu thẳng (Straight), bền, chịu lực 0.8g. - Cuộn chắn bức xạ dài 3cm. - Thiết kế đầu liền thân (Core-to-tip). - Hi-Torque VersaTurn chứa công nghệ RESPONSEASE Transitionless Core Grind được thiết kế để truyền tải mô men xoắn xuất sắc.Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA	cái	50
C	**BÓNG, BƠM, DÂY NỐI, CHẠC BA, BỘ ÉP MẠCH, ÁO & KHĂN PHẪU THUẬT...**			
52	Bóng nong mạch vành áp lực thường, bán đàn hồi (Semi-Compliant), nguyên liệu Pebax, đa lớp, phủ lớp ái nước Hydrophilic; đường kính 1.2-4.0mm, chiều dài 6-30mm; công nghệ bóng Crossflex đa lớp, công nghệ Slim seal	1. Nguyên liệu: - Pebax, phủ lớp ái nước Hydrophilic, sử dụng công nghệ bóng Crossflex đa lớp và Slim Seal. - Chủng loại: Bóng nong mềm (Semi-Compliant). 2. Kích thước: - Áp lực định danh: 8 atm. - Áp lực vỡ bóng tối đa: 14 atm - Đường kính: 1.2, 1.5, 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0 mm. - Chiều dài: 6, 8, 12, 15, 20, 30 mm. 3. Đặc điểm thiết kế: - Thiết kế 3 nếp gấp (Tri-fold design). - Traveler là loại bóng nong can thiệp mạch máu, profile nhỏ. - Thiết kế liên tục không gián đoạn từ gốc đến đầu xa, tạo cảm giác chính xác khi đi qua sang thương khó, giúp nhìn rõ khi đi qua sang thương ngoằn ngoèo. - Điểm đánh dấu (Markers): thép Tungsten mềm dẻo, uốn cong được, cản quang tốt, bám sát theo đường dẫn một cách tốt nhất.Đạt tiêu chuẩn ISO	cái	70
53	Bóng nong mạch vành áp lực cao đàn hồi (Non-Compliant), nguyên liệu Pebax, đa lớp, phủ lớp ái nước Hydrophilic; đường kính 1.5 đến 5.0mm, chiều dài 6 đến 25mm; công nghệ bóng CrossFlex đa lớp,công nghệ Slim seal, điểm đánh dấu bằng Tungsten	1. Nguyên liệu: - Pebax, phủ lớp ái nước Hydrophilic, Sử dụng công nghệ bóng Crossflex đa lớp. - Chủng loại: Bóng nong áp lực cao (Non-Compliant). 2. Kích thước: - Độ dài taper : khoảng 3 mm. - Entry profile: 0.017 inch - Crossing profile: 0.021 inch - Nominal: 12 atm. - RBP: 18 atm. - Đường kính: 1.5, 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.5, 5.0mm. - Chiều dài: 6, 8, 12, 15, 20, 25mm. 3. Đặc điểm thiết kế: - Mũi tròn, trơn láng dễ thao tác qua sang thương vôi hóa và khung stent. - Điểm đánh dấu (Markers): thép Tungsten uốn cong được.Đạt tiêu chuẩn ISO	cái	70

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
54	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao, cấu trúc 3 lớp, vai bóng ngắn 3.0 mm, điểm đánh dấu cản quang mỏng và ngắn, dễ dàng thực hiện kỹ thuật Kissing Balloon	Cấu trúc: - Bóng có cấu trúc 3 lớp: lớp giữa là polyamide, lớp trong và lớp ngoài là elastomer - Số điểm cản quang định vị bóng: 2 - Vai bóng ngắn 3.0mm, dễ thực hiện kỹ thuật POT - Áp lực định mức: 12atm. Áp lực tối đa 22atm (với bóng từ 2.0mm đến 4.0mm) hoặc 20atm (với bóng 4.5mm và 5.0mm) Thông số trục đẩy bóng - Entry profile 0.43mm - Đường kính trục: 1.9Fr đoạn gần dễ dàng thực hiện kỹ thuật Kissing Balloon; 2.5Fr đoạn giữa; 2.6Fr đoạn xa - Độ dài trục: 145 cm - Lớp phủ ái nước Hydrophilic Kích thước: - Đường kính 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm. - Chiều dài 6mm, 8mm, 12mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mmĐạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	120
55	Bóng nong động mạch vành siêu nhỏ, entry profile 0.41mm, crossing profile 0.58mm, bonding part 0.4mm, đáp ứng được các tổn thương phức tạp	Cấu trúc: - Bóng nong được làm bằng vật liệu Polyamide. - Số điểm cản quang định vị bóng: đơn hoặc đôi - Áp lực định mức: 6atm. Áp lực tối đa 14atm (với cỡ bóng ≤ 3.0mm) - Entry profile: 0.41mm. Đầu tip làm bằng vật liệu Elastomer - Crossing Profile: 0.58mm - Đoạn xa được phủ lớp ái nước M Coat -Đoạn kết nối giữa bóng và đầu tip (bonding part) chỉ 0.4mm. -Điểm đánh dấu cản quang dài 0.8mm và dày 25µm -Đường kính trục: 1.9Fr đoạn gần, 2.4Fr - 2.7Fr đoạn xa - Độ dài trục: 145 cm Kích thước bóng: Đường kính: 1.0mm, 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm; 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm. Chiều dài 5mm, 10mm,15mm, 20mm, 30mm, 40mmĐạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	120
56	Bóng nong mạch vành áp lực thông thường	1. Dùng nong các tổn thương hẹp động mạch vành, loại LAXA 2. Nguyên liệu : Polyether block amide, Là một catheter có gắn bóng loại RX bán đàn hồi, có áp lực khác nhau, được đánh dấu cản quang cả hai đầu bóng bằng Platinum và Iridium , bao lớp siêu ái nước. 3. Độ dài cathter 143cm, đường kính ngoài trục đoạt gần 2.1F, đoạn xa 2.5/2.7F, loại vai bóng thường có 2 maker, loại vai bóng thuôn có 1 maker, đường kính: 1.0 -> 3.5mm, độ dài 5,10,12,15,20mm. Đường kính đầu típ 0.0160 inch. Cụ thể, bóng đường kính 1.0mm có độ dài bóng 5mm , đường kính bóng: 1.3,2.0,2.5mm có độ dài bóng 10mm; Đường kính bóng: 1.5,2.0,2.5,2.75,3.0,3.5mm có độ dài bóng 12,15,20mm. Áp lực thường 6Atm, Áp lực vỡ bóng 14 Atm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EOĐạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	20
57	Bóng nong mạch vành 3 nếp gấp ái nước loại, chất liệu proprietary polyamide compound, chiều dài 10, 15, 20, 25, 30, 40mm	Bóng nong động mạch vành PTCA phủ ái nước. Đường kính bóng: 1.5; 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.25; 3.5; 4.0mm. Chiều dài bóng: 10, 15, 20, 25, 30, 40mm. Chất liệu bóng: Hợp chất Proprietary polyamide. Chất liệu phần thân xa: Polyamide, ống nhiều lớp. Chất liệu phần thân gần: thép không gỉ, phủ PTFE. Kích thước Shaft: Đầu gần là 1.9F (0.63mm), Đầu xa là 2.8F (0.93mm) có phủ ái nước. Khẩu kính đầu vào: 0.017 inch (0.43mm). 2 Marker bằng Platinum/Iridium. Nếp gấp: bóng 3 nếp gấp. Áp lực định danh: 8bar (0.8 MPa). Áp lực vỡ bóng: 19bar cho bóng có đường kính 1.5 - 2.5mm; 18bar cho bóng có đường kính 2.75mm; 17bar cho bóng có đường kính 3.0mm; 16bar cho bóng có đường kính 3.5mm; 15bar cho bóng có đường kính 4.0mm. Catheter mở đường được khuyến khích là 5F (đường kính trong tối thiểu là 0.056 inch / 1.42mm). Chiều dài Catheter khả dụng 138cm. Chiều dài nòng dây dẫn 27cm. Đường kính dây dẫn tối đa 0.014 inch (0.36mm). Khẩu kính đầu vào hình nón kép để tiếp cận các tổn thương phức tạp. Hạn sử dụng: 36 tháng. Được chứng nhận CE.Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	20

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
58	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao 35 atm thành bóng 2 lớp	Dùng trong các trường hợp nong lại tổn thương bị vôi hóa nặng. Bóng có độ giãn nở về đường kính thấp nhất trong phạm vi áp lực lớn nhất so với các bóng PTCA có trên thị trường hiện nay. RBP 35 atm. Cấu trúc bóng kép (2 lớp) có độ đàn hồi tuyến tính, không gây hiện tượng dog-boning. 2 marker Platinium. Khẩu kính đầu vào sang thương 0.016". Khẩu kính băng qua sang thương 0.028". Tương thích ống thông can thiệp tối thiểu 6F đối với đường kính 1.5 - 3.5mm; 7F đối với đường kính 4.0, 4.5mm. Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5mm; dài 10, 15, 20mm.Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	5
59	Bóng nong mạch vành chất liệu OptiLEAP	Chất liệu bóng bằng OptiLEAP hoặc tương đương. Chiều dài bóng từ 8mm - 30mm, đường kính bóng từ 1.2 mm - 4.0 mm. Tip Profile nhỏ 0.017". Có 1 marker ở giữa bằng Platinum. Tiệt trùng (hoặc tương đương)Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	cái	70
60	Balloon Bóng nong mạch vành áp lực cao với hệ thống mang bóng Bi-segment	Bóng nong mạch vành áp lực cao, bằng chất liệu không giãn nở, với hệ thống mang bóng Bi-Segment. Lớp phủ ái nước làm giảm lực ma sát trên thân ống thông. Tip profile siêu nhỏ: 0.017", Crossing profile: 0.031" . Maker làm bằng Platinum. Sản phẩm đạt chứng chỉ ISO. (Hoặc tương đương)Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	cái	70
61	Bóng nong phủ thuốc Paclitaxel dùng cho can thiệp mạch vành loại Essential, đường kính từ 1.5mm đến 4.5mm, dài 10 đến 40mm.	* Bóng phủ thuốc Paclitaxel loại Essential. * Cỡ từ 1.5 đến 4.5mm dài 10 - 40mm. * Đầu Ultra-low tip profile 0.016". * Chất liệu Nylon/Pebax giúp khả năng bơm xả nhanh hơn. * Có 2 marker Tungsten giúp định vị tốt hơn. * Công nghệ phủ thuốc nhiều lớp TransferTech nanodrop giúp việc giải phóng thuốc hiệu quả. Thời gian thuốc đi qua thành mạch trung bình 30-60s. * Bóng đạt được áp lực cao RPB 16 atm. Shaft lenght (Chiều dài hữu dụng) 142cmĐạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	cái	2
62	Bóng nong mạch vành áp lực thường, sử dụng cho những tổn thương khó, có độ dài từ 10mm đến 40mm, đường kính từ 1.25mm đến 5.0mm , lớp phủ hydrophylic durable (HYDRAX)	* Đầy đủ kích thước đường kính từ 1.25 mm tới 5.0mm, chiều dài từ 10mm đến 40mm. * Entry profile nhỏ 0.016" giúp vượt qua mọi tổn thương. * Thiết kế mới với 2 trục xa: 2.6F cho bóng nhỏ ≤3mm và 2.7F cho bóng lớn ≥3.25mm.Thời gian xả bóng trung bình <3s. * Có lớp phủ durable hydrophilic coating (HYDRAX) giúp đi qua tổn thương dễ hơn và không gây tổn thương thành mạch. Thiết kế hai marker Pt/Ir dễ nhận diện hơn. * Shaft lenght (Chiều dài hữu dụng) dài 142cm. * Thiết kế Rapid Exchange catheter. * Chất liệu bán đàn hồi (semi-compliance): 10-15% . Tiêu chuẩn: ISO 13485, CEĐạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	cái	20
63	Bóng nong mạch vành áp lực cao, sử dụng cho những tổn thương khó, có độ dài từ 6mm đến 30mm, đường kính từ 2.0mm đến 5.0mm , lớp phủ hydrophylic durable (HYDRAX)	* Bóng áp lực cao: NP 12 atm, RBP (áp lực vỡ bóng) 20 atm. * Đường kính từ 2.0mm đến 5.0mm, chiều dài từ 6.0mm đến 30mm. * Vật liệu làm bóng Nylon Blend giúp bóng chịu áp lực tốt, thành bóng mỏng hơn hỗ trợ tốt trong những trường hợp tổn thương khó canxi hoá. Thời gian xả bóng trung bình 3s. * Đầu Ultra-low tip profile 0.016" được thiết kế khá mềm mại, có lớp phủ durable hydrophilic coating (HYDRAX) giúp đi qua tổn thương dễ hơn và không gây tổn thương thành mạch. * Định vị bằng hai marker metalic Platinum Iridium cản quang tốt giúp xác định vị trí chính xác hơn. * Chất liệu đàn hồi (compliance) : 7%. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CEĐạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	cái	20
64	Bóng đối xung động mạch chủ kích thước 7Fr - 8Fr -9Fr, phủ lớp hydrophilic, màng bóng Cardiothane II siêu bền	- Kích thước: 7Fr, 8Fr, 9Fr - Thể tích bóng 30cc, 40cc, 50cc - Đường kính lumen trung tâm 0.027" - Màng bóng Cardiothane II, lớp phủ Hydrophilic. - Guidewire tương thích: 0.025" - Vật liệu: Polyurethane -hiểu dài membrane: 9.1", 10.2", 10.3", kích thước bơm phồng bóng: 14mm, 15mm, 16mmĐạt tiêu chuẩn ISO/FDA/CE	cái	5
65	Dây nối áp lực cao 84BAR, dài 30cm ANGIOFLEX extension line	Chất liệu polyurethane. - Chịu được áp lực đến 1200 psi (84 BAR) - Dài 30cmĐạt tiêu chuẩn CE, ISO	cái	400

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
66	Dây nối chụp buồng thất, áp lực 84BAR, dài 120cm - ANGIOFLEX extension line	Chất liệu polyurethane. - Chịu được áp lực đến 1200 psi (84 BAR) - Dài 120cmĐạt tiêu chuẩn CE, ISO	cái	30
67	Dây nối áp lực cao USMTM loại PU dài 30cm, 50cm, 100cm, 120cm, 150cm	Dây nối áp lực cao 1200psi, vật liệu PU cao cấp có bện xoắn, độ dài từ 156cm đến 250cm. Adaptor xoay được, dây trong suốt, dễ quan sát bằng mắt thường. Đường kính trong: 1 - 5 mm. Đầu nối hình côn (Luer) phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 80369-7:2016. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA.	cái	200
68	Bộ manifold 3 cổng Uniway có màu đánh dấu	* Bộ manifold bao gồm: manifold 3 cổng có màu, dây theo dõi áp lực, dây truyền dịch, dây truyền thuốc cản quang. * Manifold chất liệu polycarbonate, có van 1 chiều ở cổng bơm thuốc cản quang nhằm hạn chế bọt khí và sự lây nhiễm chéo.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	cái	200
69	Bộ kết nối 3 cổng (Manifold 3 port), vật liệu Poly carbonate, đường kính trong 0.093" chịu áp lực lớn nhất 500 PSI	Manifold 3 cổng -Chất liệu PolyCarbonate. - Đường kính trong 0.093" (2.36mm) - Có luer xoay và đầu xoay đuổi khí - Có các loại 2,3,4 cổng phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau. - Chịu áp lực 200, 500 PSI (tùy mã sản phẩm)Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	cái	350
70	KIMAL Flush device 3ml/giờ	- Đầu male rotate - Khóa vặn OFF, áp lực 250 psi - Tốc độ 3ml/h.Đạt tiêu chuẩn CE, ISO	cái	50
71	Khóa 3 ngã, vật liệu Polycarbonate (chịu áp lực 200 -1050 PSI, đường kính trong 0.12"	Chất liệu Poly Carbonate. Đường kính trong 0.12" (2.5 mm) có 3 ngã phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau. - Chịu áp lực từ 200-1050 PSI. - Hạn sử dụng 3 nămĐạt tiêu chuẩn CE, FDA	cái	40
72	Dome sterile	Đạt tiêu chuẩn ISO/FDA/CE	cái	50
73	Combifix	bộ nối male to male, female/female, Luer female/Rekord maleĐạt tiêu chuẩn ISO/FDA/CE	cái	40
74	Discofix	- Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Thể tích mồi 0.26ml - Chịu áp lực dưới 2 bar - Thời gian sử dụng 96h - Vật liệu polyamideĐạt tiêu chuẩn ISO/FDA/CE	cái	20
75	Đầu nối Kimal Male/male connector.	Đầu nối male/male-KIMAL Male/male luerlock connector. - Chất liệu: Polycarbonate. - Đầu nối linh hoạt chống xoắn dây khi nối.Đạt tiêu chuẩn CE, ISO	cái	40
76	Bơm tiêm thuốc cản quang	Bơm tiêm thuốc cản quang Mona, thân bơm làm từ vật liệu Polycarbonate, Cần pít-tông làm từ nhựa Acrylonitrile-Butadien-Styrol (ABS), Vòng (Gioăng) đệm ở đầu pít-tông (đầu pít-tông) làm từ cao su silicone. Thể tích: 1 ml, 3ml, 6ml, 10ml, 20ml, 30ml. Đầu kết nối: Cố định hoặc xoay, kết nối luer 6% theo tiêu chuẩn ISO 80369-7, tương thích cổng đực/cái. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide.Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA.	cái	300
77	Bơm tiêm10 ml vật liệu làm bằng nhựa polycabonate có đầu xoáy (luer)	Bơm tiêm 10ml - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Có đầu xoáy luer loại Fixed Male hoặc Slip - Có nhiều màu sắc khác nhau: có 7 màu sắc khác nhau để phân biệt. Đạt tiêu chuẩn FDA. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	cái	400
78	Luer lock (10ml Syringe)	Bơm tiêm 10ml. Đạt tiêu chuẩn : Đạt tiêu chuẩn FDA/CE/ISO - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máuĐạt tiêu chuẩn CE, FDA	cái	700

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
79	Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao và Co nối Y;	1. Dùng để bơm và xả bóng trong thủ thuật can thiệp qua da, loại GM30 2. Nguyên liệu Polycarbonate, đồng hồ áp lực, cò dạng bấm , dây nối áp lực kèm khóa 3 ngã xoay 360o 3. Áp lực tối đa 30 Atm, Thể tích syringe 25 ml, mặt đồng hồ áp lực huỳnh quang thấy được trong điều kiện tối , 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Đi kèm van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm màu vàng, đường kính lớn 10Fr, dụng cụ lái dây dẫn, cây đẩy. 5. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 bộ, tiệt trùng bằng EOĐạt tiêu chuẩn ISO, CE	cái	300
80	Bộ bơm bóng loại xoắn vặn , kèm bộ y connector	* Gia tăng áp lực chính xác đến 30ATM. * Chất liệu polycarbonate trong suốt, dễ kiểm soát và đuổi bọt khí. * Đầu nối chữ Y có van cầm máu, có đường kính rộng đến 9F. * Bộ bao gồm: bơm bóng, Y-connector, Torquer, Insertion tool). Tiêu chuẩn ISO 13485, CEĐạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	cái	50
81	Dụng cụ bơm bóng áp lực cao 26 atm không kèm y connector	Dụng cụ bơm bóng áp lực cao Encore 26 không kèm bộ nối Y Adaptor đi kèm. Tiệt trùng. (Hoặc tương đương)Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	cái	100
82	Van cầm máu dạng chữ Y loại đóng mở bằng lò xo, và van kép chất liệu Polycarbonate	Van cầm máu (Y connector) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE - Chất liệu Polycarbonate - Loại đóng mở bằng lò xo, có van kép. Có kèm insertion tool bằng kim loại và torque điều khiển dây dẫn 0.014" - Đường kính trong 0.096" (2.44 mm) - Hạn dùng 3 năm.Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	cái	300
83	Băng đóng lòng mạch quay MOSTARTM	Băng đóng lòng mạch quay, phần thân trong suốt, chiều dài có thể thay đổi từ 18cm, 22cm, 26cm, đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016; EN ISO 9001:2015; GMP-FDAĐạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016; EN ISO 9001:2015; GMP-FDA	cái	50
84	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa cho lỗ động mạch từ 6F đến 21F không cần bộc lộ động mạch	- Đóng mạch bằng chỉ tạo sẵn - Chỉ định cho sử dụng lỗ vào động mạch đùi 5F đến 21F; cho lỗ vào tĩnh mạch đùi 5F đến 24F - Chỉ Monofilament Polypropylene, đường kính 0.0088", chiều dài tối thiểu 20" - Kim: Dòng thép không gỉ 300, đường kính 0.021" - Vỏ: Polyether Block Amide, đường kính 0.113", chiều dài 8.8" '- Chỉ định cho lỗ vào động mạch 5-21F - Chỉ đơn polypropylene được tạo sẵn - Không cần trở tiếp cận trở lại sau khi sử dụng dụng cụ đóng mạch - Sửa chữa bằng chỉ có thể đánh giá và xác nhận ngay tại bàn - Có khả năng duy trì đường vào dây dẫn - Có báo cáo lâm sàng: Giảm yêu cầu truyền máu đến 80%, Giảm bị nhiễm trùng đến 41%, Giảm bị tử vong trong 30 ngày sau can thiệp đến 70%, Ở lại bệnh viện ngắn hơn đến 43%Đạt tiêu chuẩn ISO	cái	5
85	Áo choàng phẫu thuật	Áo choàng phẫu thuật bao gồm các thành phần chính: áo choàng phẫu thuật và khăn thấm. 01 áo choàng phẫu thuật kích thước: (123 x 150) cm (dài x rộng), vùng tăng cường: 40 x 59 cm. Áo choàng phẫu thuật tiêu chuẩn, thiết kế tổng thể làm từ vật liệu SMS tính kháng thấm ngăn ngừa tích tụ vi khuẩn, có vùng tăng cường ở giữa làm từ vật liệu PE cán lớp SS độ thấm hút cao, giúp thấm hút tốt mồ hôi, tạo cảm giác thông thoáng thoải mái khi mặc đồng thời tăng cường ngăn cản dịch, máu thấm qua tại vị trí dễ tiếp xúc nhất, cổ tay bằng vải thun mềm mại chắc chắn giúp người mặc vận động thoải mái. 02 khăn thấm (40 x 40 cm) làm từ vật liệu spunlace có độ thấm hút cao, sử dụng trong trường hợp cần thấm hút nhanh dịch tiết, máu hay các loại chất lỏng khác. Tiệt trùng: Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016 và GMP-FDAĐạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016 và GMP-FDA	cái	400
86	Áo phẫu thuật các cỡ	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 2 x Khăn thấm 30x40cm, 1 x Áo phẫu thuật L và 1 x Vải gói 60x60cm. Tiệt trùng bằng khí EO. - Sản phẩm có giấy phép lưu hành, ISO13485:2016 (TCVN ISO 13485:2017), CE. Tiệt trùng EO.Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 (TCVN ISO 13485:2017), CE. Tiệt trùng EO.	cái	1000

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
87	Bộ khăn chụp mạch vành 3 lỗ MELISA	Bộ săng (khăn) chụp mạch vành 3 lỗ gồm: - Săng chụp mạch vành SM/ PE/ SPP, kích thước: 370 x 220 cm: 01 cái. - Tấm phủ đa dụng PE kích thước: 150 x 140 cm: 01 cái. - Khăn trải bàn dụng cụ PE / SPP, kích thước 200 x 140 cm: 01 cái. - Bao chụp đầu đèn PE 01 cái. - Bao kính chắn chì PE, kích thước 90 x 75 cm: 01 cái. - Bao đựng Remote PE, kích thước 26 x 10 cm: 01 cái. - Khăn thấm vải không dệt, kích thước 40 x 40 cm: 04 cái. - Tấm phủ chắn chì PE kích thước 150 x 140 cm: 01 cái. - Đóng gói bằng túi tyvek, Độ bền mối hàn bao gói: ≥ 1,2 N / 15 mm - Chứng nhận:ISO; GMP- FDA - Tiệt trùng: Ethylene oxide (EO) với tồn dư EO: ≤ 4 mg /sản phẩmĐạt tiêu chuẩn :ISO; GMP- FDA	cái	150
88	Bộ khăn chụp mạch vành A	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 4 x Khăn thấm 30x40cm 1 x Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng 150x180cm (Tấm nilon trong) 1 x Tấm phủ chắn chì 140x150cm 1 x Bao kính chắn chì, có thun 75x100cm 1 x Bao chụp đầu đèn phi 65cm 1 x Khăn lót 50x60cm 1 x Bao đựng Remote 1 x Khăn chụp mạch vành 3 lỗ 240x390cm 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 200x260cm Sản phẩm có giấy phép lưu hành, được sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE, EN 13795-1:2019. Tiệt trùng EO.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, EN 13795-1:2019. Tiệt trùng EO.	cái	400
89	Dây điện cực tạm thời không bóng , chất liệu thép không gỉ phủ polyamide, đường kính 5-6F, dài 125cm	- Chất liệu Polyurethane mềm dẻo khi gặp nhiệt độ cơ thể. - Có điểm đánh dấu trên catheter, mỗi điểm cách nhau 10cm. - Có kèm sheath đặt tĩnh mạch trong bộ. Đường kính 5-6F, dài 125cmĐạt tiêu chuẩn CE, ISO	cái	30
90	Alcohol pad	Gạc tẩm cồn;100 miếng/HộpĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	hộp	25
91	Miếng dán điện cực tim	Bề mặt kết dính rất chặt chẽ, độ bám dính thích hợp cho da, ngay cả khi da dính tạp chất. Tính dẫn truyền cao. Với sự giúp đỡ của các bề mặt tiếp xúc rộng giữa gel và da, đường truyền dẫn điện không bị ảnh hưởng bởi các tác động bên ngoài. Gói 50 miếngĐạt tiêu chuẩn FDA	gói	50
92	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 8 lớp tiệt trùng	Gạc y tế 10cm x 10cm x 8 lớp được dệt từ sợi cotton 100%. Sợi chắc, mịn; Không mùi; Không tạp chất. Tiệt trùng. Gói/ 100 miếng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDAĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	gói	2000
93	Găng tay phẫu thuật, cao su, không bột, các cỡ, vô khuẩn	Bằng latex cao su tự nhiên, không bột, không độc tính, không kích ứng da. Các cỡ 6.0 đến 8.5mm. Tiệt trùng và đóng gói từng đôi. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDAĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	cái	2000
94	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Dung dịch rửa tay nhanh chứa Chlorhexidine gluconate 0,5%, Alpha-terpineol 0,5 %, Ethanol 76%. Có chất làm ẩm, giúp tránh bị khô da, chai 500mlĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	chai	100
95	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ, thiết bị y tế	- Chlorhexidine digluconate: 0,5% w/w - Propan-2-ol: 60% w/w - Chai 1 lítĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	chai	15
96	Pressure inflation bag	Bao đo huyết ápĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	bao	10

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
97	Bơm tiêm 50ml luer dùng cho máy bơm tiêm tự động	- Có đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Vật liệu polypropylene - Độ trong suốt cao - Độ tương phản cao - Pit tông dễ dàng rút thể tích tối đa (60ml) - Không có kim tiêm kèm theo - Đạt tiêu chuẩn CE và TCVNĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	cái	100
98	Bơm tiêm liền kim 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 10ml, cỡ kim 23G/25G; Pit tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Đạt tiêu chuẩn CE và TCVNĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	cái	3000
99	Băng dán phẫu thuật vô trùng, trong suốt	Sử dụng cho bệnh nhân trước phẫu thuật hoặc băng cố định vết thương, chất liệu polyurethan, thời gian bám dính tối thiểu 3 ngày, có khả năng thấm thấu hơi nước, hạn chế hơi nước và vi khuẩn xâm nhập. Kích thước 30x28cm, tiệt trùng từng cái.Đạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	miếng	100
100	Băng keo thun cố định khớp 10cm x 4.5m	Băng thun màu trắng, cotton 100%, trọng lượng 140+/-7g/m2, co giãn ≥ 90%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, trọng lượng khối phủ 100-130g/m2, lực dính 2-9 N/cm, có kiểm tra vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDAĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	cuộn	70
101	Băng keo thun cố định khớp 8cm x 4.5m	Băng thun màu trắng, cotton 100%, trọng lượng 140+/-7g/m2, co giãn ≥ 90%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, trọng lượng khối phủ 100-130g/m2, lực dính 2-9 N/cm, có kiểm tra vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDAĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	cuộn	30
102	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn	Bao gồm thiết bị xả, bộ IV (macrodrip), dây nối chịu áp lực 48" (122cm) và 12" (30cm), hai khóa ba ngã Phạm vi đo huyết áp: -50 to +300 mm Hg. Nhiệt độ hoạt động: 15° to 40 C. Dao động tự nhiên: 40 Hz bình thường cho bộ đo tiêu chuẩn (48"/12"); > 200 Hz cho riêng bộ cảm biến. Quá áp cho phép:-500 tới +5000 mm HgĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	bộ	100
103	Dây truyền dịch (cổng nước và cản quang)	- Chiều dài dây 180cm - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm - Có chức năng đuổi khí tự động và khóa dịch tự động - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Chịu áp lực đến 2 bar - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP , thay thế bằng DEHT an toàn - Bao bì thân thiện với môi trường theo 94/62/EC - Cửa chích thuốc an toàn ngăn tai nạn do kim đâm vào tay điều dưỡngĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	cái	2000
104	Dây nối áp lực (dây truyền dịch bơm tiêm tự động)	- Dây làm bằng PVC y tế, dài 1500mm, đường kính trong 1mm, đường kính ngoài 2.1mm - Đầu nối vặn xoắn chống rò rỉ, thuận tiện kết nối 1 tay, chống xoắn dây, dây có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu, có màu đỏ phân biệt đầu ra đầu vô - Thể tích mồi 1ml, chịu được áp lực nén 1.3kgf/cm2 (18.5psi), áp lực hút 450mmHg (8.7psi) - Hệ số dẫn truyền ánh sáng: trên 93% - Non-Toxic, Non-Pyrogenic - Tiệt trùng từng cái bằng khí EOĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	cái	600
105	Dao mổ số 11	Kích cỡ: 11; Chất liệu: thép y tế không gỉ cao cấp.Đóng gói 1c/gói bọc vỏ nhôm, vô trùng bằng tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDAĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	cái	500
106	Miếng dán cố định kim luồn IV advanced	Băng phim trong vô trùng không thấm nước có thể được sử dụng để phủ và bảo vệ các catheter, các vết thương nhỏ và để bảo vệ các thiết bị trên da. Không sử dụng băng phim như là một phương pháp thay thế cho các phương pháp đóng vết thương.Đạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	miếng	500
107	Mũ trùm đầu y tế trong phòng mổ	Mũ trùm đầu y tế dành cho nhân viên trong phòng mổĐạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	cái	2000
108	Khẩu trang y tế	Khẩu trang phẫu thuật 3 lớp. Có thanh nẹp mũi. Đóng gói vô khuẩn từng cái.Đạt tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	cái	2000

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
	Tổng cộng: 108 khoản			

NGƯỜI LẬP

DS. Lê Văn Tâm

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA

PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

BS.CKII. Trang Anh Dũng

Được quét bằng CamScanner